

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/DS-ST
Ngày 13 – 02 – 2024
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tân Lộc.

Ông Nguyễn Quốc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 592/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị C, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1977 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2024 và các lời khai tại Tòa án bà Hồ Thị C (nguyên đơn) trình bày:

Ngày 03/12/2020 âm lịch, bà có cho vợ chồng ông Đ vay số tiền là 100.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ ghi lãi suất tự thoả thuận, ông Đ có ký tên, lãi suất hai bên tự thoả thuận mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Sau khi vay ông Đ có đóng lãi số tiền là 19.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Đ và bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn là 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Ông Phạm Văn Đ (bị đơn) trình bày: Ngày 03/12/2020 âm lịch, ông có vay của bà C số tiền là 100.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ ghi lãi suất tự thoả thuận, lãi suất do hai bên tự thoả thuận mỗi tháng là 6.000.000 đồng, biên nhận nợ do ông viết

toàn bộ và ký tên. Khi vay tiền của bà C thì vợ ông không đi cùng, vay để nuôi tôm, nuôi sò trong gia đình. Sau khi vay ông có đóng lãi được khoảng trên 10 tháng, với số tiền lãi mỗi tháng là 6.000.000 đồng. Sau đó, bà C có giảm lãi mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Tổng số tiền đóng lãi khoảng hơn 100.000.000 đồng, mỗi lần đóng lãi không có biên nhận và cũng không có chứng cứ gì chứng minh đã đóng lãi số tiền trên. Nay ông đồng ý trả cho bà C trả số tiền vốn là 100.000.000 đồng và xin giảm lãi suất, đồng ý trả lãi suất với số tiền là 5.000.000 đồng.

Tại đơn xin vắng mặt bà Nguyễn Kim L trình bày: Bà là vợ ông Đ, việc ông Đ hỏi vay tiền của bà C số tiền 100.000.000 đồng thì bà không biết, bà không có ký tên biên nhận, cũng không có liên quan nên không đồng ý cùng ông Đ trả cho bà C số tiền 100.000.000 đồng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa:

Bà Hồ Thị Công trình B: Bà C xác định khi vay tiền, ông Đ kêu bà C đừng cho vợ ông Đ biết, bà yêu cầu ông Đ và bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn là 100.000.000 đồng và tính lãi suất theo thỏa thuận mỗi tháng 3.000.000 đồng tính từ ngày viết biên nhận đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng ý trừ số tiền đã nhận 19.000.000 đồng.

Ông Phạm Văn Đ trình bày: Việc ông Đ hỏi vay tiền của bà C vợ ông không biết, vay tiền mục đích hùn nuôi sò, tôm với người khác, ông Đ đồng ý trả cho bà C số tiền vốn 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Kim L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Hồ Thị C với bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Kim L là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Kim L có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Tại phiên tòa, bà Hồ Thị C yêu cầu ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Kim L phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn là 100.000.000 đồng và tính lãi suất theo thỏa thuận mỗi tháng 3.000.000 đồng tính từ ngày viết biên nhận đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng ý trừ số tiền đã nhận 19.000.000 đồng. Ông Đ đồng ý trả cho bà C số tiền vốn 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định, bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C.

Xét thấy, bà C khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà L trả số tiền vốn 100.000.000 đồng, bà C có cung cấp biên nhận ngày 03/12/2020 thể hiện ông Đ có hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng, được ông Đ thừa nhận có ký tên và đồng ý trả cho bà C số tiền

100.000.000 đồng. Đối với bà L cho rằng không biết việc ông Đ hỏi vay tiền, không có ký tên vào biên nhận nên không đồng ý cùng ông Đ trả cho bà C số tiền 100.000.000 đồng, ông Đ thừa nhận khi vay tiền thì vợ ông không đi cùng mục đích vay tiền để hùn nuôi sò, tôm với người khác. Tại phiên tòa, bà C thừa nhận khi vay tiền, ông Đ kêu bà C đừng cho vợ ông Đ biết. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà C, về việc yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Đ trả cho bà C số tiền vốn 100.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc ông Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền vốn là 100.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi bà C yêu cầu tính từ ngày viết biên nhận đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất theo hai bên thỏa thuận 3.000.000/tháng. Bà C cho rằng lãi suất hai bên tự thỏa thuận mỗi tháng là 3.000.000 đồng, ông Đ xác định lãi suất hai bên tự thỏa thuận mỗi tháng là 6.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Từ khi làm biên nhận đến nay ông Đ cho rằng đóng lãi khoảng hơn 100.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, bà C thừa nhận có nhận số tiền lãi 19.000.000 đồng. Do đó, buộc ông Đ phải trả lãi tính từ ngày làm biên nhận đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất theo quy định là 10%/năm, cụ thể: Biên nhận ngày 03/12/2020 âm lịch (nhằm ngày 15/01/2021), số tiền lãi như sau:

Số tiền vốn 100.000.000 đồng x 04 năm 28 ngày x 10%/năm = 40.778.000 đồng.

Nhận thấy, bà C thừa nhận ông Đ đóng lãi tổng số tiền 19.000.000 đồng và đồng ý đối trừ. Vì vậy, số tiền lãi buộc ông Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà C là 21.778.000 đồng nên có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C. Buộc ông Đ phải có nghĩa vụ trả lại cho bà C số tiền vốn là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 21.778.000 đồng, tổng số tiền là vốn và lãi 121.778.000 đồng. Bà C yêu cầu tiền lãi 3.000.000 đồng/tháng x 04 năm 28 ngày với số tiền 146.800.000 đồng. Do đó, không chấp nhận đối với yêu cầu của bà C, về việc yêu cầu ông Đ trả số tiền lãi 87.022.000 đồng (146.800.000 đồng - 40.778.000 đồng - 19.000.000 đồng). Ngoài ra, ông Đ và bà L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với khoản tiền phải thanh toán nếu chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Đ phải chịu 5% án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà C, cụ thể: 121.778.000 đồng x 5% = 6.089.000 đồng.

Bà C không phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận, do là người cao tuổi.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;
Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị C.

[1] *Về nội dung:*

Buộc ông Phạm Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị C số tiền 121.778.000 đồng (Một trăm hai mươi một triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị C, về việc yêu cầu ông Phạm Văn Đ trả cho bà Hồ Thị C số tiền lãi là 87.022.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị C, về việc yêu cầu bà Nguyễn Kim L phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Phạm Văn Đ trả cho bà Hồ Thị C tổng số tiền vốn, lãi là 227.800.000 đồng.

[2] *Về án phí:*

Ông Phạm Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.089.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Hồ Thị C và ông Phạm Văn Đ có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Kim L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng

